

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PĂH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 24-01-2022

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH - GIA LAI
*Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo
- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trịnh Văn Nguyên
+ Bà Hoàng Thị Bình
- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Nữ Hương Giang
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh – Gia Lai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Diệp.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/HNGĐ –ST, ngày 23 tháng 03 năm 2021 về: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Ph, sinh năm 1987 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố 1 (trước thôn Ia Lâm), thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.
- Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1979 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố 1 (thôn Ia Lâm cũ), thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2021 của chị nộp ngày 22 tháng 3 năm 2021, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hà Thị Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ia Ly (trước là xã Ia Ly), huyện Chư

Păh, tỉnh Gia Lai vào ngày 12 tháng 02 năm 2009. Từ khi chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hòa hợp được quan điểm sống, làm ăn phát triển kinh tế, nuôi dạy con, giữa chị và anh T không còn tình cảm yêu thương nhau, hay xảy ra mâu thuẫn mỗi khi gần nhau nên anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung: Phan Trọng K, sinh ngày 20/01/2010 và Phan Trọng T1, sinh ngày 31/5/2018. Ly hôn, chị có nguyện nuôi cả hai con chung. **Vì từ khi ly thân đến nay một mình chị vẫn nuôi hai con đầy đủ, anh T không quan tâm chu cấp gì.**

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

- *Đối với bị đơn anh Phan Văn T:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (niêm yết công khai) Thông báo thụ lý vụ án, anh T đến Tòa án có bản lời khai thừa nhận giữa anh và chị Ph có mâu thuẫn như chị Ph trình bày nhưng anh T không đồng ý ly hôn, nên khi Tòa án thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc nêu ý kiến đối với phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh T đều không có mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, phát biểu quan điểm như sau:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án* đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 220 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của mình theo đúng quy định bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án;* Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó HĐXX vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giải quyết vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Về hôn nhân:* Căn cứ Điều 56 Luật HNGĐ, đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị Hà Thị Ph được ly hôn với anh Phan Văn T.

**Về con chung:* Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ; xét nguyện vọng của cháu K muốn ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn và cũng là nguyện vọng của chị Ph và thực tế chị Ph hiện đang chăm sóc nuôi dưỡng con, đề nghị HĐXX giao con chung Phan Trọng K, sinh ngày 20/01/2010 và Phan Trọng T1, sinh ngày 31/5/2018 cho chị Ph chăm sóc nuôi dưỡng đến khi T niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Ph không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét.

**Tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác:* chị Ph, anh T không yêu cầu nên không xem xét.

** Về án phí:* Buộc chị Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Hà Thị Ph đối với bị đơn anh Phan Văn T có địa chỉ tại Tổ dân phố 1, thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin ly hôn và nuôi con chung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Ph và anh Phan Văn T tìm hiểu và kết hôn tại UBND thị trấn Ia Ly (trước là xã Ia Ly), huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai vào ngày 12 tháng 02 năm 2009, trên tinh thần tự nguyện hai bên. Việc kết hôn của anh chị đúng quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị Ph và anh T xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung vợ chồng mà không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh T có đến Tòa án 01 lần và có bản lời khai thừa nhận vợ chồng anh có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng anh không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Thông báo hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh T không có mặt ở Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến gì bằng văn bản cho Tòa án, thể hiện anh T không có thiện chí để tham gia hòa giải hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình. Tại phiên tòa chị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu ly

hôn. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị Ph xin ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Anh T và chị Ph có 02 con chung: Phan Trọng K, sinh ngày 20/01/2010 và Phan Trọng T1, sinh ngày 31/5/2018. Ly hôn, chị có nguyện nuôi cả hai con chung. **Vì từ khi ly thân đến nay một mình chị vẫn nuôi hai con đầy đủ, anh T không quan tâm chu cấp gì.**

Xét thấy yêu cầu trên của chị Ph là chính đáng, vì con chung chưa đủ tuổi T niên, cần bàn tay chăm sóc của người mẹ, con chung cũng chung sống với chị Ph từ trước đến nay, anh T đi làm ăn ít quan tâm chăm sóc đến con, không chu cấp cho chị Ph nuôi con kể từ khi hai người sống ly thân đến nay. Anh T cũng không có ý kiến về phần con chung. Vì vậy, việc chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Ph là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị Ph đang kinh doanh tự do có thu nhập đảm bảo nuôi con, không yêu cầu anh Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến phần quyết định của bản án.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Chị Hà Thị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Hà Thị Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

-Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị Ph.

1.1. Về hôn nhân: chị Hà Thị Ph được ly hôn với anh Phan Văn T

1.2. Về con chung: Giao con chung là: Phan Trọng K, sinh ngày 20/01/2010 và Phan Trọng T1, sinh ngày 31/5/2018, cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con T niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân hoặc

con đã T niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi sống bản thân.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ph không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung: Chị Ph không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Buộc chị Hà Thị Ph phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp trước đây theo biên lai số 0010343 ngày 22 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh. Chị Hà Thị Ph đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/01/2022), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia lai;
- VKSND H.Chư Păh;
- THA DS H.Chư Păh;
- Dương sự;
- **UBND thị trấn Ia Ly**- Chư Păh- Gia Lai;
- Lưu HS VTTA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo